TÒA ÁN NHÂN DÂN **T PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Số: **25**/2023/QĐST-DS	*VT, ngày 16 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Tranh;

2. Bà Lưu Thị Kim Thanh.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, 474 BLDS 2005; Điều 357, 468 BLDS 2015;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 164/2022/TLST-DS, ngày 22/12/2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-DS ngày 10/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa các ngày 26/4/2023, ngày 25/5/2023, ngày 15/6/2023, ngày 30/6/2023 và ngày 28/7/2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***** ***Nguyên đơn***: Anh **Bùi Xuân T**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số nhà 30, đường Hàn Thuyên, phường TD, T phố VT, tỉnh PT.

***** ***Bị đơn***: Bà **Trần Thị O**, sinh năm 1957

Ông **Lê Quang Đ**, sinh năm 1952;

Nơi ĐKHKTT: Khu 5, phường TM, T phố VT, tỉnh PT;

Đều có nơi cư trú: Số nhà 12, ngõ 136, phố Đồi Cam, phường TM, T phố VT, tỉnh PT, (Bà O, ông Đ là vợ chồng).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Chị **Lê Mỹ H**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: SN 87, tổ 40, khu 14, phường TM, T phố VT, tỉnh PT. (Chị H là con bà O, ông Đ).

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà O, ông Đ và chị H:* Ông **Nguyễn Đ H**, sinh năm 1955; Là Luật sư, Văn phòng Luật sư Hùng Vương PT, Đoàn Luật sư tỉnh PT; Địa chỉ: Số nhà 15, tổ 2, khu Tân Xuân, phường TD, T phố VT, tỉnh PT;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Bà Trần Thị O, ông Lê Quang Đ và chị Lê Mỹ H xác nhận còn nợ anh Bùi Xuân T, tổng số tiền nợ gốc là 230.000.000 đồng *(Hai trăm ba mươi triệu đồng)* (Theo giấy vay tiền ngày 07/6/2008). Tại phiên tòa anh Bùi Xuân T chỉ yêu cầu phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, số tiền gốc còn lại là 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)* và tiền lãi anh Bùi Xuân T không yêu cầu bà Trần Thị O, ông Lê Quang Đ và chị Lê Mỹ H phải trả (số tiền gốc còn lại là 80.000.000 đồng anh T cho bà Trần Thị O). Nay các bên tự nguyện thỏa thuận trả nợ cụ thể như sau:

- Ông Lê Quang Đ và chị Lê Mỹ H có trách nhiệm trả cho anh Bùi Xuân T, tổng số tiền gốc đã vay là 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, kỷ phần của ông Đ là 75.000.000 đồng *(Bảy mươi năm triệu đồng)*, kỷ phần của chị H là 75.000.000 đồng *(Bảy mươi năm triệu đồng)*.

- Phương thức trả nợ: Ông Lê Quang Đ và chị Lê Mỹ H trả nợ cho anh Bùi Xuân T mỗi tháng là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*, kể từ ngày 16/8/2023 cho đến khi trả xong khoản nợ là 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, kỷ phần của ông Lê Quang Đ là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*, kỷ phần của chị Lê Mỹ H là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án không thanh toán mà người được thi hành án có đơn đề nghị Thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Bà Trần Thị O, ông Lê Quang Đ thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí (có đơn xin miễn nộp tiền án phí, là người cao tuổi). Chị Lê Mỹ H tự nguyện nộp tiền án phí dân sự là 3.750.000 đồng *(Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*. Trả lại cho anh Bùi Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng *(Năm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0010176 ngày 19/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự T phố VT, tỉnh PT.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.VT;
- Chi cục THADS TP.VT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bình Luyến